

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 01 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Hoa.
- Ông Giàng Seo Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai. **- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cư Thị P, năm S 1984.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, xã S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vàng Seo V, năm S 1983.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, xã S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cư Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Vàng Seo V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai (nay là xã S, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành. Nay chị P xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị P và anh V chỉ có bốn người con chung là cháu Vàng Thị S, sinh ngày 30/10/2008, cháu Vàng Thị L, sinh ngày 22/4/2010, cháu Vàng Thị C, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Vàng Thị N, sinh ngày 19/10/2017. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu S, cháu L, cháu C và cháu N cho đến khi cháu S, cháu L, cháu C và cháu N đủ 18 tuổi. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu S, cháu L, cháu C và cháu N đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị P nghề tự do, thu nhập của chị P khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng; còn anh V không có nghề nghiệp ổn định nên không có thu nhập ổn định.

2. Đối với bị đơn anh Vàng Seo V: Sau khi Toà án đã tiến hành giao đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thực hiện thủ tục giao các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ cho anh V, anh V nhận nhưng không ký vào biên bản giao nhận, sau mỗi giai đoạn của thủ tục tố tụng thì Tòa án cùng với Trưởng thôn đã ký xác nhận việc giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V (*có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S*), nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của anh V được, dẫn đến không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị P và anh V.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Vàng Thị S, cháu Vàng Thị L, cháu Vàng Thị C và cháu Vàng Thị N đều trình bày: Nếu bố mẹ đẻ bốn cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của bốn cháu được ở với mẹ, vì mẹ đẻ của bốn cháu là người quan tâm chăm sóc bốn cháu về mọi mặt, còn bố đẻ ít quan tâm đến bốn cháu.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các từ Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Ý kiến về việc giải quyết vụ việc: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Cur Thị P được ly hôn với anh Vàng Seo V.

- Về con chung: Giao 04 cháu là cháu Vàng Thị S, sinh ngày 30/10/2008, cháu Vàng Thị L, sinh ngày 22/4/2010, cháu Vàng Thị C, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Vàng Thị N, sinh ngày 19/10/2017 cho chị Cur Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Vàng Seo V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

4.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị P thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử; Tòa án đã thực hiện thủ tục giao các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ cho anh V như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để anh V có ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị P và phải có mặt tại trụ sở Tòa án để khai về mối quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa anh V và chị P nhưng anh V vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V là hợp pháp. Qua lời khai của chị P, thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành; Tòa án cũng đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có chị P có mặt, còn anh V vắng mặt không có lý do, đồng thời chị P đề nghị Tòa án không

tiến hành hòa giải vụ án đang tranh chấp của anh chị. Xét thấy, tình cảm giữa chị P đối với anh V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị P đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị P và anh V chung sống với nhau chỉ có bốn người con chung là cháu Vàng Thị S, cháu Vàng Thị L, cháu Vàng Thị C và cháu Vàng Thị N, hiện nay cháu S, cháu L, cháu C và cháu N đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân cháu S, cháu L, cháu C và cháu N đều có nguyện vọng là được ở với chị P, cả bốn cháu luôn được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt bình thường, nên chị P sẽ quan tâm và chăm sóc bốn cháu tốt về mọi mặt; nghề nghiệp của chị P là làm nghề tự do, thu nhập của chị P khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng, còn anh V không có nghề nghiệp nên không có thu nhập ổn định. Vì vậy, việc chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu S, cháu L, cháu C và cháu N cho đến khi cháu S, cháu L, cháu C và cháu N đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cư Thị P và anh Vàng Seo V. Quan hệ hôn nhân của chị Cư Thị P và anh Vàng Seo V được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Vàng Thị S, sinh ngày 30/10/2008, cháu Vàng Thị L, sinh ngày 22/4/2010, cháu Vàng Thị C, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Vàng Thị N, sinh ngày 19/10/2017 cho chị Cư Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu S, cháu L, cháu C và cháu N đủ 18 tuổi. Anh Vàng Seo V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Cư Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001437 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND cùng cấp (2);
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duy Toán